

NAM BỘ VIỆT NAM - MÔI TRƯỜNG KINH TẾ BIỂN VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC QUỐC GIA KHU VỰC THẾ KỶ XVII - XVIII

NGUYỄN VĂN KIM*

1. Tiềm năng và môi trường kinh tế biển

Trên lãnh thổ và khu vực chủ quyền của đất nước ta, phía Đông và Đông - Nam đều giáp biển. Nếu như ở vùng Đông - Bắc có vịnh Bắc Bộ, một trung tâm kinh tế lớn, sớm có mối quan hệ mật thiết với các quốc gia Đông Bắc Á thì ở miền cực Nam cũng có "Vịnh Thái Lan" (1), từ lâu đã có mối liên hệ mật thiết với Đông Nam Á và cả trung những nền văn minh khác như Ấn Độ, Tây Á (2). Vịnh còn có những tên gọi khác là "Biển Tây", "Biển Tây Nam", là một vùng biển giàu tiềm năng đồng thời là một trong những mạch nguồn giao lưu kinh tế, văn hoá trọng yếu với nhiều quốc gia trong khu vực.

Do nằm ở một vị trí có địa thế chiến lược, vịnh Thái Lan vừa là cửa ngõ giao lưu, vừa là một trong những không gian hướng ra đại dương của các quốc gia: Việt Nam, Campuchia, Thái Lan và Malaysia. Theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu thì phần Đông Bộ vịnh Thái Lan tương ứng với hải phận của Việt Nam và Campuchia; Trung Bộ thuộc hải phận Campuchia, Thái Lan và cuối cùng phần Tây Bộ là vùng thuộc chủ quyền của Thái Lan, Malaysia

(3). Nhưng, nhìn trên một phương diện rộng lớn hơn, theo quan điểm của *Khu vực học*, thì vịnh Thái Lan từ lâu cũng đã là một vùng biển quen thuộc của chủ nhân các nền văn hoá Srivijaya, Sailendra... Nhiều nguồn sử liệu, khảo cổ học, nhân học cho thấy, cư dân Mã Lai - Đa Đảo (*Malayu - Polynesians*), đã sớm nổi tiếng thế giới về tài đi biển và khả năng khai thác biển.

Về tự nhiên, vịnh Thái Lan là một vùng biển tương đối khép kín. Tuy nhiên, vịnh có một cửa lớn thông với Biển Đông và hai eo biển ở phía Tây - Bắc đảo Sumatra là Malacca và phía Đông - Nam là eo biển Sunda. Các eo biển này là huyết mạch giao thông quan trọng nối giữa thế giới phương Đông với thế giới phương Tây đặc biệt là khi "Con đường tơ lụa trên biển" hình thành vào thế kỷ VII. Trên thực tế, trong lịch sử ở phần tây bờ vịnh còn có eo Kra (*Kra isthmus*), nằm ở một dải đất hẹp nhất của miền Nam bán đảo Mã Lai. Từ khoảng thế kỷ thứ II sau Công nguyên, Kra đã là một vùng đất nổi tiếng bởi vị thế thương mại quốc tế.

Trong nhiều thế kỷ, thuyền buôn từ các vùng Ấn Độ, Tây Á và có thể là cả từ đế chế La Mã, Ba Tư đã chuyên chở hàng hoá đến

*PGS-TS. Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN.

vịnh Belgan, tiến vào Kra rồi từ đó các loại thương phẩm lại được tiếp tục vận chuyển đến một số bến cảng khu vực vịnh Thái Lan nhưng thường tập trung về Óc Eo (Ba Thê, An Giang) cảng quốc tế lớn, tiêu biểu nhất của đế chế Phù Nam. Trong khoảng hơn 6 thế kỷ, Óc Eo không chỉ là một trung tâm văn hoá, kinh tế có nhiều thành tựu rực rỡ, là tảng nền của văn hoá Phù Nam mà còn có nhiều ảnh hưởng đến các nền văn hoá Đông Nam Á. Phù Nam từng giữ vị thế là một “*Trung tâm liên thế giới*” cho đến khi vương quốc này, vì nhiều nguyên nhân, bị suy tàn vào thế kỷ thứ VII (4).

Thực tế, toàn bộ khu vực vịnh là một phần của thềm lục địa Sunda rộng trên 1,5 triệu km². Trên bản đồ khu vực, vịnh Thái Lan có hình thế như một lòng chảo lớn. Về tự nhiên, vùng vịnh Thái Lan từng đã diễn ra nhiều biến đổi lớn. Theo GS. Lê Bá Thảo thì “*Ở vị trí hiện nay là đồng bằng châu thổ Nam Bộ, ngày xưa là một địa hào lớn tồn tại từ sau nguyên đại Cổ sinh. Hai địa lũy giới hạn nó về phía đông bắc (Nam Trường Sơn - Đông Nam Bộ) và về phía tây nam (dãy núi Đạu Khấu và các đảo tây Cà Mau). Địa hào này chịu một vận động sụt lún từ từ làm cho biển tiến vào, biến nó thành một vịnh biển rộng trên lãnh thổ của Nam Bộ và Đông - Nam Campuchia ngày nay, trong khi các địa lũy lại được nâng cao*” (5). Mặt khác, do vận động kiến tạo núi Hymalaya nên toàn bộ bán đảo Đông Dương (và cả khu vực Đông Nam Á) cũng đồng thời được nâng lên khiến cho sông Cửu Long và hệ thống sông trong khu vực tăng cường sức xâm thực. Trải qua thời gian, phối hợp với hiện tượng trầm tích sông hồ, lượng phù sa khổng lồ của sông Chao Phraya (Thái Lan) và một số nhánh, chi lưu của sông Hậu (Việt Nam) đã lấp dần vịnh biển. Phần đáy của nó nơi sâu nhất tối đa cũng chỉ khoảng 50m còn nhìn

chung độ sâu trung bình là 25 - 30m. Vùng gần duyên hải tương đối cạn.

Do vậy, những cảng như Hà Tiên, Rạch Giá... từ xưa chỉ thật thuận lợi cho các tàu thuyền có trọng tải trung bình và nhỏ cập bờ. Trong những thế kỷ gần đây, tốc độ bồi lấp phù sa ở vùng biển Tây Nam diễn ra khá nhanh chóng. Ngoài những lợi ích có thể thấy thì hiện tượng bồi tụ đó cũng không ngừng thu hẹp diện tích vịnh và tiếp tục nâng cao phần đáy của lòng chảo này. Nhiều đảo, nhất là hệ đảo ven bờ, vốn nằm trong lòng vịnh, nay đã trở thành một bộ phận gắn bó với đất liền. Tuy nhiên, do ở địa đầu cực nam của Tổ quốc, lại nằm ngay khu vực có vị thế thuận lợi của vịnh Thái Lan nên Hà Tiên đã sớm trở thành một Trung tâm thương mại khu vực và quốc tế, với Hà Thành làm tâm điểm.

Vịnh Thái Lan có tất cả khoảng 6.750 đảo lớn nhỏ trong đó Phú Quốc nổi bật lên vì tầm cỡ, tiềm năng kinh tế truyền thống và cả những huyền tích lịch sử. Đảo có diện tích khoảng 580km², là đảo ven bờ lớn nhất Việt Nam. Về tài nguyên trên đảo Phú Quốc, Đại Nam nhất thống chí ghi rõ: “*Đông Tây cách nhau 200 dặm, Nam Bắc cách nhau 100 dặm; không có hổ báo mà nhiều lợn rừng, trong núi có hươu nai; yến sào, dây mây, gỗ tốt, dổi mối, hải sâm, quế thơm. Đất ưa cấy lúa, sớm trồng các thứ đậu, ngô, dưa, ít cấy lúa nếp. Trong núi sản huyền phách, sắc óng ánh như sơn, có thể dùng làm hạt đeo, cục lớn có thể tạc hộp trấu, chén, đĩa. Có khi có long diên hương. Lại có cây hắc ban hương, ngoài vỏ có chấm lốm đốm, đen như trầm hương non, chất nhẹ, vị kém, gỗ to, ruột rỗng, có thể dùng làm ống bút*” (6). Cùng với các đảo, hệ cảng ven bờ cũng làm nên sự trù phú cho Cà Mau, Kiên Giang. Từ Rạch Giá đi về phía Tây có mũi Hòn Chông với nhiều dải đá nhô ra biển. Hòn Chông từng nổi tiếng là

một nơi buôn bán hổ tiêu rất phát đạt, Thuyền ghe từ Hải Nam (Trung Quốc), Siam (Thái Lan)... thường ghé vào đây để nhập hàng.

Tuy không thật nổi tiếng về kỹ nghệ thủ công nhưng từ thế kỷ XVII cư dân Hà Tiên cũng đã biết khai thác những nguồn lợi, đặc sản địa phương để chế biến thành những nguồn thương phẩm có giá trị. Từ xưa, người Hà Tiên, Phú Quốc đã giỏi chế sáo trắng (bạch Lạp). Thuyền buôn Trung Quốc, Siam, Mã Lai nhập về rất nhiều loại hàng này. Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn (1726-1784) đã viết về giá trị của "Huyền phách sản ở trấn Hà Tiên, có khối như khối đồng, sắc đen như sắt, người ta nói dùng nó có thể lánh được gió độc, tiện làm tràng hạt" (7).

Có thể nói, môi trường kinh tế biển của vùng vịnh Thái Lan đã tạo nên những cơ sở thuận lợi cho sự phát triển phồn thịnh của nhiều trung tâm kinh tế và quốc gia trong khu vực nhưng mặt khác chính sự lao động sáng tạo của con người đã làm cho vùng vịnh này nổi tiếng trong lịch sử Đông Nam Á và thế giới. Trên vùng đất phương Nam, từ cuối thế kỷ XVIII dưới sự lãnh đạo của họ Mạc, người Hà Tiên đã đạt những thành tựu lớn trong việc khai phá, phát triển và trở thành một thương cảng, trung tâm kinh tế của miền Tây. Nguồn tư liệu Trung Quốc *Hoàng triều Văn hiến Thông khảo* viết: "Cảng khẩu là một tiểu quốc ở miền Nam Hải... dân xứ này thích văn chương chữ nghĩa, sách vở thánh hiền. Xứ này có cả đền thờ đức Khổng Phu Tử có trường để dạy các thanh niên... Sản vật có hải sâm, cá, thịt, tôm khô. Vào năm Ung Chính thứ 7 (1729), một đường thương mại giữa xứ này với Quảng Đông đã được thiết lập dài cả 7.200 lý đường biển" (8). Thời bấy giờ, các chúa Nguyễn đã tổ chức ra đội "*Bắc Hải*" để thu lượm sản vật trên các đảo thuộc sự

kiểm soát của Đàng Trong. Theo Lê Quý Đôn thì chúa Nguyễn đã chọn "hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu và các tiền tuần dò, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản" (9).

Hiển nhiên, sự phát triển đó của Hà Tiên luôn nằm trong một mạng lưới liên kết, tương hỗ với các vùng kinh tế và thị trường trao đổi, cung cấp hàng hoá trong nước, quốc tế. Với thị trường nội địa, đến thế kỷ XIX, các sử gia nhà Nguyễn còn ghi lại hệ thống chợ của Hà Tiên hoạt động tương đối nhộn nhịp như: chợ Mỹ Đức ở huyện Hà Châu có quán xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc thường hay tụ họp; chợ Sái Phú ở huyện Kiên Giang, tục gọi là chợ Rạch Giá phố xá đông đúc, thuyền buôn tấp nập; chợ Hoàng Giang ở huyện Long Xuyên, phố xá trù mật, thuyền buôn tụ họp và đặc biệt là có chợ Sân Chim "ở địa phận thôn Đông An và Vinh Hoà huyện Kiên Giang, có một sở sân chim, chim biển tụ họp hàng ngàn, hàng vạn, hàng năm đến kỳ sinh đẻ, các nghiệp hộ lĩnh trưng, gọi là "thuế sân chim", họ lấy cánh và lông chim bán cho lái buôn Trung Quốc" (10). Hà Tiên - Phú Quốc không chỉ nổi tiếng về nguồn hải sản, nước mắm, yến sào... mà còn có một số loại lâm sản quý như gỗ kiến kiến, gỗ sao chuyên dùng để đóng thuyền. Từ xưa, gỗ sao, gỗ téch vẫn được coi là những loại tốt nhất để đóng thuyền đi biển.

Không chỉ nổi tiếng về hoạt động hải thương và khai thác biển, người Cà Mau, Kiên Giang còn giỏi nắm bắt quy luật vận động của sông nước, thành thạo kỹ thuật canh tác nông nghiệp. Trong quá trình đấu

tranh với tự nhiên để mở đất, họ đã sớm thích nghi, khai thác và làm chủ nguồn lợi hết sức trù phú từ đất đai, sông, đầm và kênh rạch. Trên một vùng đất mà “mỗi lợi sông chằm không bao giờ hết” (11) tự nhiên đã góp phần nuôi dưỡng, làm phong phú đời sống, sinh hoạt và tạo nên sức hấp dẫn cho các dòng người từ nhiều vùng khác nhau đến sinh tụ, định cư.

Như vậy, cũng như Địa Trung Hải đã nuôi dưỡng văn minh Hy Lạp - La Mã, Ai Cập và các nền văn hoá khu vực Tiểu Á, từ những thế kỷ đầu sau Công nguyên thuyền buôn của cư dân Đông Nam Á, Ấn Độ, Trung Hoa đã tụ hội về xung quanh khu vực vịnh Thái Lan để giao lưu, buôn bán. Vịnh đã tạo nên khung cảnh và môi trường tự nhiên, xã hội cho sự phát triển của nhiều nền văn hoá nổi tiếng trong khu vực. Đến thế kỷ XVI - XVIII, trong thời đại hoàng kim của thương mại thế giới, vùng vịnh Thái Lan càng trở nên nổi tiếng về vị thế thương mại của nó. Nguồn sản vật phong phú của khu vực như hương liệu, trầm, da hươu, da cá sấu, da trăn, sừng tê, ngà voi, đồi mồi... trở thành những nguồn thương phẩm có giá trị cao trên thương trường quốc tế. Nguồn lực kinh tế đã lôi cuốn nhiều nhóm cư dân từ các quốc gia trong khu vực và cả các nước xa xôi đến buôn bán và sinh sống lâu dài. Tất cả các hoạt động đó đã tạo nên cơ sở thiết yếu cho sự ra đời của nhiều cảng thị và trung tâm kinh tế của Đông Nam Á.

2. Những thách thức và quan hệ bang giao với khu vực

Theo quan niệm của một số nhà viết sử, vùng đất Nam Bộ nói chung và dải đất địa đầu của đất nước: Kiên Giang, Cà Mau... cho đến thế kỷ XVI vẫn là một vùng “hoang hóa” với những đàn trâu rừng và đầm lầy chưa có dấu tích của con người (12). Thực

ra, các kết quả nghiên cứu, trong đó đặc biệt là các phát hiện khảo cổ học, trong mấy thập kỷ qua đã đem lại những bằng chứng xác thực về sự xuất hiện sớm và tụ cư của con người trên vùng đất này(13).

Như đã trình bày ở trên, từ thế kỷ I-VII s. CN, những chủ nhân của văn hóa Óc Eo, một nền văn hóa mang đậm đặc tính biển, toả rộng ở miền Tây sông Hậu, đã tạo nên nền tảng căn bản cho sự phát triển của một vương quốc Phù Nam hùng mạnh. Trong những ngày phát triển cường thịnh, vương quốc này đã vươn tầm ảnh hưởng ra cả vùng hạ châu thổ sông Mê Kông, Chao Phraya và một phần bán đảo Mã Lai. Điều chắc chắn là, người Óc Eo - Phù Nam đã có ý thức sâu sắc về nguồn lợi kinh tế trong khu vực. Việc quốc vương Phù Nam là Phạm Sư Man vào đầu thế kỷ III đã “đóng tàu to, vượt biển lớn tấn công và chinh phục được hơn mười nước... mở mang đất đai năm sáu nghìn dặm” (14) là minh chứng rõ rệt về tiềm lực chính trị, kinh tế và khát vọng muốn mở rộng cương vực, thiết lập sự kiểm soát hệ thống cảng xung quanh vịnh Thái Lan để nối thông với thị trường giàu có vùng Tây Nam Á.

Nhưng sau khi vương quốc này suy tàn, vì nhiều nguyên nhân, Thủy Chân Lạp đã không thể tiếp tục duy trì hoạt động kinh tế, đời sống sản xuất và quản chế một vùng đất rộng lớn. Đất đai trở nên hoang hóa, cây rừng nhiệt đới mau chóng hồi sinh. Đến thế kỷ XVI-XVII, trên nhiều vùng đất phương Nam, hiện tượng tái khai phá, tái định cư đã diễn ra trong một bối cảnh lịch sử mới. Sự chuyển dịch của các bộ phận cư dân và dòng thiên di ở Nam Bộ thời kỳ này là sự thể hiện bản tính năng động, tinh thần dũng cảm của nhiều nhóm cư dân trước một môi trường sống mới. Tuy môi trường đó giàu tiềm năng và trù phú nhưng con người cũng luôn phải đối chọi với

những thách thức khắc nghiệt của tự nhiên. Trải qua nhiều thế hệ, họ đã lao động bền bỉ và hy sinh cho sự nghiệp mở đất. Từ góc độ chính trị, xã hội cũng thấy sự biến động của các địa bàn tự cư ở Nam Bộ thời kỳ này còn chịu tác động sâu sắc bởi những biến thái chính trị khu vực trong đó đặc biệt là sự thăng trầm trong quan hệ ba cực giữa Đàng Trong với Chân Lạp và Siam. Trên thực tế, việc xâm lấn của người Miến, sự thâm nhập khá thường xuyên của người Hoa, Java... và cả sự hiện diện của các thế lực chính trị, tôn giáo phương Tây cũng tác động không nhỏ đến mối quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực. Trong bối cảnh đó, quá trình đấu tranh để tồn tại và phát triển của cư dân vùng đất Tây Nam luôn chịu tác động của các mối quan hệ đa chiều đó.

Trở lại lịch sử chúng ta thấy, sau một thời kỳ thịnh đạt, đến thế kỷ XIV-XV, đế chế Angkor đã từng bước suy yếu rồi đi đến chỗ sụp đổ. Trong các năm 1353, 1394 và 1431, ba lần quân Siam tấn công Chân Lạp và đánh chiếm Angkor, đặc biệt sau lần thứ ba, đế chế Angkor bị suy sụp hoàn toàn, không thể phục dựng được nữa và phải dời đô về Phnom Penh. Trước tình hình đó, một dòng người Khmer, nạn nhân của các cuộc chinh phạt, đã thiên di đến vùng phía tây như Tri Tôn, Rạch Giá và phía nam như An Biên, Vĩnh Thuận của Kiên Giang hiện nay (15). Họ đã sinh tụ trên một vùng đất mới và từng bước trở thành bộ phận cư dân gắn bó mật thiết với truyền thống lịch sử, với đất và người Nam Bộ.

Trong quá trình xây dựng và khai phá vùng đất phương Nam, các chúa Nguyễn cũng đã sớm có những nhận thức sâu sắc về vị thế chính trị, tiềm lực kinh tế của dải đất miền tây Nam Bộ. Ba thế kỷ sau nhìn lại chúng ta thấy *chính quyền Đàng Trong*

đã thực thi một chính sách đối nội, đối ngoại hết sức tài tình nhằm không ngừng củng cố, xác lập vững chắc chủ quyền ở các tỉnh phía Nam. Sau khi kiểm soát được vùng Gia Định, năm Mậu tý, tức năm Hiến Tông thứ 17 (1708), chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) đã thực hiện một quyết định táo bạo nhưng cũng đầy bản lĩnh đó là bổ dụng Mạc Cửu (1655-1735), *một ngoại kiều, ngoại tộc và cũng không phải thuộc dòng quan lại chính thống, làm Tổng binh trấn Hà Tiên* (16). Các bộ chính sử đều chép rằng: Mạc Cửu vốn là người Lôi Châu (Quảng Đông) do nhà Minh mất nên chạy xuống phương Nam và đến vùng Hà Tiên xin được định cư, khai phá. Vốn là một thương gia lớn, có kinh nghiệm giao thương quốc tế, khi đến vùng Hà Tiên thấy nhiều thương nhân đến buôn bán, bèn mở sòng bạc để thu thuế (17). Nhân đó, ông còn cho “chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Cồn Bọt, Giá Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên) lập thành 7 xã thôn. Thấy ở đất ấy tương truyền có người tiên thương hay hiện ra ở trên sông, nhân thế đặt tên là Hà Tiên. Đến đây Cửu uỷ cho người bộ thuộc hạ là Trương Cầu và Lý Xá dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông” (18).

Thực ra, khi nghe theo lời khuyên của mưu sĩ họ Tô dâng thư xin làm chức “*Hà Tiên trưởng*” bản thân người đứng đầu dòng họ Mạc Hà Tiên này cũng đã đi đến một sự lựa chọn mang tính chiến lược. Thật khó có thể loại trừ những ảnh hưởng, tác động nhất định của quan hệ hôn nhân đến quyết định của ông nhưng tầm nhìn và sự nhạy cảm chính trị đã khiến ông xin sáp nhập Hà Tiên (Mang Khảm) vào Đàng Trong, chịu sự quản chế trực tiếp của chúa

Nguyễn. Từ kinh nghiệm lịch sử, Mạc Cửu cũng nhận thức rõ, trước thế lực quân Siam hùng mạnh và sự suy vi của Chân Lạp, Mang Khâm không thể tồn tại độc lập. Hơn nữa, lực lượng của chúa Nguyễn rất gần về vị trí địa lý, lại đang thực hiện chủ trương thu phục nhân tâm (kể cả các thế lực Hoa kiều) để đẩy nhanh công cuộc khai phá về phương Nam. Suy tính và quyết định, Mạc Cửu đã tự nhận lấy trách nhiệm trấn giữ vùng Hà Tiên, vùng đất trù phú nhưng cũng là miền biên ải của đất nước, nơi luôn phải đối chọi với những thách thức chính trị quyết liệt nhất. Về phần mình, *do hiểu rõ những thay đổi trong hệ thống thương mại quốc tế, một mặt chúa Nguyễn muốn khai thác tiềm lực kinh tế nông nghiệp ở vùng đất phương Nam nhưng mặt khác cũng muốn nắm giữ những tài nguyên tự nhiên, nguồn lợi từ một số thương cảng để tăng cường sức mạnh kinh tế và chu cấp cho bộ máy hành chính ngày càng được mở rộng trên quy mô lớn*. Thêm vào đó, vì ở vào thế đối lập với chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, lại chưa được triều đình nhà Thanh công nhận về ngoại giao và nhìn thấy khả năng thương mại, kinh tế to lớn của người Hoa nên chúa Nguyễn đã tìm cách tranh thủ họ và nhìn chung đã đối xử rất hậu tình với Hoa kiều (19).

Sau 27 năm đốc tâm kiến lập đất Hà Tiên, tháng 5-1735, Tổng binh trấn Hà Tiên là Mạc Cửu qua đời. Ông được chúa Nguyễn tặng "*Khai trấn thượng trụ quốc đại tướng quân Vũ nghị công*". Đến tháng 11-1736, chính quyền Đàng Trong lại phong Mạc Thiên Tứ (con của Mạc Cửu và bà Bùi Thị Lãm người Gia Định) làm Đô đốc trấn Hà Tiên đồng thời "*Cho 3 chiếc thuyền long bài được miễn thuế, sai xuất dương tìm mua vật báu để cống nộp*. Lại sai mở cục đúc tiền để tiện việc trao đổi. Thiên Tứ chia đặt nha thuộc, kén bổ quân

ngũ, đắp thành lũy, mở phố chợ, khách buôn các nước đến họp đông. Lại vời những người văn học, mở Chiêu anh các, ngày ngày cùng nhau giảng bàn và xướng hoạ" (20). Lịch sử vẫn còn ghi lại việc Nguyễn Cư Trinh (21) là người giỏi văn chương "*điều khiển quân năm dinh, có cơ mưu trí lược, hay quyết đoán, trù hoạch rạch ròi*" và lập được nhiều chiến công bảo vệ vùng đất phía tây của Tổ quốc. Theo Lê Quý Đôn thì: "*Cư Trinh học rộng thơ hay, trong khi đóng dinh ở Bình Thuận và Gia Định thường cùng với tổng binh Hà Tiên là Tông Đức hầu Mạc Thiên Tứ vẫn lấy văn tự tặng đáp nhau, có họa mười bài thơ vịnh Hà Tiên*" (22). Và *Phủ biên tạp lục* vẫn còn ghi lại hai bức thư của Nguyễn Cư Trinh gửi Mạc Thiên Tứ, có thể coi đây là hai áng văn tài hoa và sâu sắc ca ngợi tài trí của Tông Đức Hầu trong việc trấn nhậm xứ Hà Tiên. Điều chắc chắn là, các áng văn đó không chỉ nhằm bày tỏ mối giao hữu thân tình giữa hai con người mà còn *thể hiện chủ trương tâm công, lấy nhân nghĩa, sức mạnh văn hoá để thu phục lòng người* của một đại diện tiêu biểu chính quyền Nguyễn.

Thời Mạc Thiên Tứ, trấn Hà Tiên luôn duy trì quan hệ giao thương mật thiết với các chúa Nguyễn qua một số thương cảng. Ngoài 3 chiếc thuyền mang long bài được miễn thuế, khi thuyền từ Hà Tiên đến buôn bán với Hội An, thương cảng quốc tế lớn nhất của Đàng Trong, cũng chỉ phải nộp một mức thuế rất nhẹ. Cụ thể, "*thuế đến là 300 quan, thuế về là 30 quan*" (23). Nếu so sánh, thì thuyền từ Siam và Luzon (Lữ Tống) đều phải chịu mức thuế đến là 2.000 quan, thuế về là 200 quan. Mức thuế đó có thể là do thuyền buôn từ Hà Tiên thường có trọng tải nhỏ nhưng nhiều khả năng đó còn là sự thể hiện chính sách ưu ái của chúa Nguyễn trong mối thâm giao với vùng đất này.

Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của mối quan hệ tin cậy và mật thiết đó, họ Mạc và cư dân Hà Tiên đã sớm hoà mình vào dòng chảy văn hoá Đại Việt và có ý thức sâu sắc trong việc bảo vệ những lợi ích địa phương gắn với lợi ích, chủ quyền dân tộc. Năm 1739, Nặc Bôn, vua nước Chân Lạp, thấy Thiên Tứ mới lĩnh trấn tiết bèn cho quân sang xâm lấn đất Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ đã đem hết quân bản bộ ra đánh, bảo vệ được đất đai đồng thời còn truy kích đuổi quân Chân Lạp tới Sài Mạt. “Do đó, Chân Lạp không dám dòm ngó Hà Tiên nữa” (24).

Trong thế cuộc triều chính có nhiều biến hiện rối ren, vào giữa thế kỷ XVIII, một số lực lượng trong tôn thất Chân Lạp luôn mưu toan tranh chấp, giành giật vương quyền. Hiển nhiên, các biến động chính trị ở Chân Lạp cũng đã tác động không nhỏ đến xã hội và đời sống chính trị của Đàng Trong. Để bảo vệ chủ quyền và duy trì sự ổn định, chúa Nguyễn cùng chính quyền Hà Tiên đã phải ủng hộ một số thế lực nhất định. Hành động hỗ trợ Nặc Tôn lên ngôi năm Đinh Sửu (1757), không chỉ tạo điều kiện cho dòng họ Mạc mở rộng thế lực ra một vùng đất rộng lớn mà qua đó còn góp phần củng cố mối quan hệ tin cậy với chính quyền chúa Nguyễn (25).

Tuy nhiên, điều khiến cho chính quyền Đàng Trong và họ Mạc Hà Tiên trở nên bất ổn nhất chính là sự nhòm ngó và áp lực từ phía Siam. Vào thế kỷ XVI-XVIII, Siam luôn là một cường quốc kinh tế ở Đông Nam Á. Do thực hiện một số chính sách khai phá và biết triệt để phát huy tiềm năng kinh tế của cả khu vực, các thương cảng của nước này luôn là điểm đến hấp dẫn của nhiều đoàn thuyền buôn châu Á và châu Âu (26). Đối với Đàng Trong, do nằm trên trục chính phía đông của tuyến hải thương châu Á, thuyền Siam thường ghé

vào tránh bão, lấy thực phẩm, nước ngọt... rồi từ đó tiếp tục tiến lên phía bắc, nơi có thị trường Trung Hoa rộng lớn. Có thể nói, chính những lợi ích kinh tế của thị trường này đã khiến cho người Thái nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng của vịnh Siam và các cảng duyên hải phía đông của Việt Nam (27). Do vậy, ngoài một số thuyền đến Đàng Trong vì mục tiêu buôn bán cũng có nhiều thuyền Siam được cử đến với những động cơ khác nhau. Thông thường, các thuyền này vừa kết hợp buôn bán, trao đổi hàng hóa vừa qua đó dò la tin tức.

Nằm ở địa đầu của Tổ quốc, một bến đỗ quan trọng trên tuyến hải trình từ trung tâm kinh tế vùng hạ lưu Chao Phraya đến các cảng phía đông, Hà Tiên trở thành một tâm điểm, nơi “đá thử vàng” trong quan hệ giữa hai nước qua nhiều thế kỷ. Thời kỳ Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ (1706-1780), chính sách bang giao quốc tế của Hà Tiên rất thực tế và đặt căn bản trên tự do doanh thương và trọng thương do vậy đã hấp dẫn được các thương nhân trong nước và quốc tế. Nhưng cũng vì nền thương mại phát triển nên vùng đất này đã gặp sự tranh chấp và cạnh tranh khá mạnh mẽ của Siam, một quốc gia luôn muốn giữ vai trò nổi bật trong thương mại khu vực. Là một nhà quản lý giàu bản lĩnh, Mạc Thiên Tứ mở cảng cho tàu buôn ngoại quốc đến buôn bán tự do. Hà Tiên lúc đó được gọi là “Tiểu Quảng Châu” là điểm đến của nhiều đoàn thuyền buôn từ bán đảo Mã Lai, Sumatra, Java, Siam, Ấn Độ, Miến Điện, Phúc Kiến (Quảng Đông), Hải Nam... Hàng năm, vào ngày 12 tháng Chạp (ngày sinh của Mạc Thiên Tứ) thuyền buôn vào cảng được miễn thuế. Nhưng, cũng nhân dịp đó, giới thương gia ngoại quốc thường bày tỏ thiện cảm của mình với các nhà chức trách sở tại. Trong quan hệ, các thuyền buôn từ Mã Lai được ưu ái nhưng sự ưu ái nhất luôn dành cho

các thương thuyền đến từ Miến Điện vì nước này là đối thủ của Siam. Trong một sách lược bảo vệ an ninh và phát triển, lực lượng của họ Mạc ở Hà Tiên đã thực sự trở thành tiền đồn trấn giữ vùng biên cương của Tổ quốc, kiên cường chống giặc ngoại xâm. Trên thực tế, họ Mạc còn nhiều lần giúp đỡ để các hoàng tử, tôn thất Chân Lạp duy trì và giành lại được ngôi báu.

Từ một cái nhìn lịch sử khu vực chúng ta thấy, do gần gũi về địa lý lại sớm coi trọng ngoại thương nên ở Đông Nam Á, Siam là một trong số những quốc gia có quan hệ sớm và thường xuyên nhất với Đại Việt (28). Theo thương nhân người Anh Bowyear thì vào thế kỷ XVII, thuyền buôn từ Đông Nam Á thường đem đến Đàng Trong nhiều loại hàng hoá "Từ Siam: lá trâu không, gỗ đỏ (dùng để nhuộm vải), sơn, xà cừ, ngà voi, thiếc, chì, gạo; Từ Campuchia: thư hoàng (dùng làm thuốc vẽ), cánh kiến trắng, sa nhân, sáp, sơn, xà cừ, gỗ đỏ, nhựa thông, da trâu, da và gân hươu, ngà voi, sừng tê v.v...; Từ Ba-ta-vi-a: bạc, bạch đàn, trâu không, vải cát bá đỏ và trắng, thuốc màu đỏ; từ Ma-ni: bạc, diêm sinh, gỗ đỏ, vỏ sò, thuốc hút, sáp, gân hươu. Còn Đàng Trong bán ra: vàng, sắt, tơ và hàng dệt như linh, lụa... kỳ nam, trầm hương, đường, đường phen, yến sào, hạt tiêu, bông..." (29). Có thể đoán định rằng, trong thời kỳ quan hệ thương mại nhộn nhịp đó, nhiều khả năng giữa chính quyền Đàng Trong với Siam và các quốc gia khác trong khu vực đã trao đổi các văn thư ngoại giao?. Chỉ biết, đến giữa thế kỷ XVIII, năm Cảnh Hưng thứ 16 (1756), nước Siam đã gửi văn thư đến Phú Xuân - Thuận Hóa nhắc lại "việc hoà thân lâu đời" và đề nghị tạo điều kiện cho quan hệ thương mại. Thư viết: "Nước An Nam và nước Xiêm cùng một dải biển rộng, liên hợp chung trời, hai nước dù cách nhau, cũng như chung một

cõi đất, đưa đi rước lại, quan ải xa xôi, trải đời bao đời, đều giữ đạo tốt yêu mến người xa và giao thiệp láng giềng... Kính dâng bệ hạ thượng quốc An Nam muôn tuổi sống lâu, rộng thương đến lời tâu bày dưới gác" (30).

Trong thư trả lời, chúa Nguyễn đã nhấn mạnh đến truyền thống trong quan hệ hòa hiếu giữa hai nước và khẳng định: "Nước tôi với quý quốc giao kết với nhau đời đời làm láng giềng, không một mảy lông ngừ vực, lòng tin thực bền như vàng đá" (31). Nhưng cùng với những ngôn từ ngoại giao đó, chúa Nguyễn cũng đã kiên quyết yêu cầu chính quyền Siam trả lại quân dân xiêu dạt, cam kết phối hợp tiêu trừ hải tặc, đồng thời khôn khéo từ chối không cấp cho Siam 10 thẻ long bài để ngăn chặn khả năng thương nhân nước này chiếm ưu thế vượt trội trong các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hành động chối từ đó còn nhằm giành quyền chủ động trong việc kiểm soát sự thâm nhập của Siam vào các vùng lãnh hải và cảng cửa nước ta. Trong văn thư, chúa Nguyễn đã tiếp tục khẳng định mối quan hệ bình đẳng giữa hai nước mặt khác nghiêm khắc nhắc nhở phía Siam về việc sử dụng ngôn từ không theo thông lệ trong văn phong ngoại giao. Thư viết: "Nước Xiêm La cùng với nước An Nam cũng như các nước Tê, Sở, Yên, Triệu là những nước bằng hàng với nhau, sao lại có sự nước bằng hàng biểu nhau mà gọi là tiến cống, nước láng giềng giao hảo với nhau mà gọi là hưởng hoá sao danh thực không xứng với nhau như thế? Tôi tưởng người bày tôi cầm bút của quý quốc thích viết lời tự tôn tự đại mà không biết nói như vậy là sai. Quốc vương là bậc thông minh anh duệ, há không biết từ xưa nước An Nam là nước văn hiến mà lại nói như thế?" (32).

Chính sách ngoại giao mềm dẻo nhưng có nguyên tắc đó của chúa Nguyễn đã góp

phần ngăn chặn được một số toan tính của chính quyền Siam và khiến cho nước này phải chịu nhân nhượng trong không ít hoạt động ngoại giao. Nhưng, chính sách đó đã không thể loại trừ được tham vọng thôn tính của thế lực cầm quyền Siam đối với dải đất trù phú phương Nam trong đó có Hà Tiên. Cũng cần phải nói thêm là, sự sáng tạo trong các phương cách quản lý kinh tế của cha con Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ đã đưa Hà Tiên, Phú Quốc trở thành vùng đất giàu có nhưng dường như sự phồn thịnh đó càng kích thích tham vọng giành đoạt của Siam đối với vùng đất này. Do vậy, liên tiếp trong các năm 1767-1774, Mạc Thiên Tứ và quân dân Hà Tiên đã phải nhiều lần căng sức để vừa chống lại nguy cơ xâm lược của Siam vừa kiên quyết tiêu trừ cướp biển người Hoa đến quấy nhiễu. Năm 1767, Mạc Thiên Tứ đã trừ diệt được một đoàn cướp lớn do Hoắc Nhiên (người Triều Châu) cầm đầu. Lực lượng này đã từng chiếm giữ hòn Nang Trong phía bắc Phú Quốc và kiểm soát được một phần vịnh. Hai năm sau, ông lại phá được âm mưu của Trần Thái (cũng người gốc Triều Châu) kết hợp với một số dư đảng họ Mạc mưu đánh úp Hà Tiên. Đến năm 1770, tiếp tục phá được kế hoạch tấn công Hà Tiên của Phạm Lam cùng với một số người Chà Và là Vang-ly Ma-lư và Chân Lạp là Ốc-nha Kê-hợp. Đúng như các tác giả *Đại Nam thực lục tiền biên* nhận xét: “Bấy giờ Hà Tiên luôn gặp binh hoả, quân lương hao tổn, lòng dân dao động. Thiên Tứ dẫu số tự trách. Chúa ban thư tỏ lòng khoan hồng và yên ủi. Lại sắc cho điều khiển Gia Định rằng hễ Hà Tiên có tin báo động thì phải tiếp ứng mau” (33). Nhưng đến năm 1771, chính quyền Siam đã huy động một lực lượng quân đội lớn, trang bị nhiều vũ khí của phương Tây, tấn công vào vùng đất Hà

Tiên. Do tương quan binh lực quá chênh lệch lại không được quân Gia Định ứng cứu kịp thời nên Hà Tiên đã lọt vào tay quân Siam. Thành lũy, nhà cửa ở Hà Tiên đã bị quân Siam tàn phá hầu hết. Phải đến năm 1773, với hậu thuẫn của quân Nguyễn, Mạc Thiên Tứ mới giành lại được đất Hà Tiên và sai con là Tử Hoàng về sửa sang lại trấn còn mình thì ở lại Trấn Giang (34).

Tình hình Hà Tiên tạm yên nhưng trước những biến động chính trị trong nước, năm 1784 Siam lại huy động một lực lượng lớn gồm 20.000 quân và 300 chiến thuyền từ Vọng Các (Bangkok) phối hợp với 30.000 bộ binh từ Chân Lạp tiến sang xâm lược nước ta. Đến đầu năm 1785, dưới sự chỉ huy trực tiếp của thiên tài quân sự Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn đã đánh tan quân Siam trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút, chặn đứng tham vọng bành trướng về phía đông của triều đại Chakri I (35). Từ đó, “Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn, miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp” (36).

Sau những thách thức khắc nghiệt đó của lịch sử, vùng đất Tây Nam Bộ Việt Nam lại trở lại với cuộc sống yên bình. Nhiều mối quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa với các quốc gia trong khu vực lại được khôi phục. Trong những ngày phát triển thịnh đạt, ở vùng Hà Tiên: “Người kinh, người Man ở lẫn nhau, quá nửa làm nghề buôn bán... Người Trung Quốc, người Cao Miên, người Chà Và hay ở ven biển để sinh nhai; người ta không định cư một chỗ mà thiên di không thường” (37). Trong môi trường kinh tế và văn hóa đó, người Hà Tiên đã dần tạo dựng cho mình một thế ứng xử và đặc tính văn hóa riêng biệt. Theo các sử gia triều Nguyễn thì cư dân Hà Tiên có “Tính người nhẹ nhõm, ham thích phong lưu. Không ai gian tham, không ai trộm cướp, phần nhiều hào phóng” (38).

Và chính những con người phong lưu, hào phóng đó đã chung sức, chung lòng xây dựng, bảo vệ đất Hà Tiên. Nhờ có sự lao

động sáng tạo đó mà thời bấy giờ, ở Hà Tiên, “Dường phố quán xuyên, phố xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc, người Cao Miên, người Cha Và chia khu mà ở. Tàu biển, thuyền sông đi lại như mào cừ, thật là một nơi đó hỏi ở miền biển vậy” (39).

3. Kết luận

Như vậy, trên miền đất và vùng biển tây nam, vì tri tiên tiêu của Tô quốc với những địa danh nổi tiếng, bao lớp người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã góp công và ghi vào lịch sử dân tộc những trang hào hùng về truyền thống khai phá, xác lập chủ quyền và quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Trải qua các thời kỳ lịch sử, quân và dân các tỉnh Nam Bộ đã nhân lãnh trách nhiệm gìn giữ vùng đất, vùng trời và biển phương Nam, một đặc khu kinh tế của Việt Nam đồng thời là cửa ngõ giao lưu với các quốc gia Đông Nam Á.

Trong tiến trình lịch sử đó, người Hà Tiên - Kiên Giang, Cà Mau không chỉ xây dựng nên một vùng đất giàu đẹp mà còn lập được nhiều kỳ tích trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, góp phần ngăn chặn được sự bành trướng và thiên di mành mẽ của một số tộc người về phía đông khiến họ phải

CHỮ THỊCH

(1). Thuật ngữ này chỉ mang tính ước lệ, nhằm để chỉ một không gian *Dia-kinh tế, Địa-văn hóa*, nơi Việt Nam có bờ biển, lãnh hải, cũng chia sẻ lợi ích kinh tế và có nhiều mối quan hệ lâu đời với các quốc gia trong khu vực. Tuy bài viết đặt cách tiếp cận trong không gian lịch sử Nam Bộ nhưng tập trung trình bày về miền đất thiêng liêng, địa đầu của Tô quốc gồm hai tỉnh Kiên Giang và Cà Mau.

Từ truyền thống và kinh nghiệm lịch sử chúng ta thấy, việc mở rộng hơn nữa tầm nhìn hướng biển, tập trung xây dựng các cảng và cảng đảo, phát triển hai thương sẽ không chỉ góp phần củng cố an ninh, tăng cường sự kiểm soát con đường giao lưu giữa các quốc gia mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển của nhiều ngành kinh tế của đất nước, khẳng định vị thế của nước ta trong khu vực.

(2). Nguồn tư liệu văn bản đầu tiên viết về “Vinh Thái Lan” là từ Trung Quốc. Khi ta về địa thế của Phú Nam, Tân thư xác định: “Nước Phú Nam cách Lâm Ấp về phía Tây hơn ba nghìn lý, ở trong vùng vịnh biển lớn”. Tiếp đó, đến thế kỷ VII, *Lương thư* cũng tiếp tục khẳng định: “Nước Phú Nam ở phía Nam quận Nhật Nam, trong vịnh lớn phía Tây của biển”; Tư liệu Khoa Lịch sử, “Trương Đại học KHXH & NV, DHQG HN, Mã số 0036.

3. Sơn Hồng Đức: *Vịnh Thái Lan*, Nxb Trăm hoa miền Tây, 1973, tr.11.

(4). Kenneth R.Hall: *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, 1985. Hoặc xem: Nguyễn Văn Kim: Óc Eo - Phù Nam: *Vị thế lịch sử và các mối quan hệ khu vực*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 1, 2005.

(5). Lê Bá Thảo: *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2002, tr. 514-515.

(6). *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hoá, 1997, tr. 18.

(7). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 330.

(8). Dẫn theo Sơn Hồng Đức: *Vịnh Thái Lan*, Sdd, tr. 38.

(9). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr.120.

(10). *Đại Nam nhất thống chí*, Sdd, tr. 28.

(11). *Đại Nam nhất thống chí*, Sdd, tr. 27.

(12). Quan điểm này chủ yếu chịu ảnh hưởng bởi sự mô tả của Chu Đạt Quang về vùng đất phương Nam trong "Chân Lạp phong thổ ký", Bản dịch của Lê Hương, Sài Gòn, 1973.

(13). Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường: *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990.

(14). *Lương thư*, Tư liệu Khoa Lịch sử, Tài liệu đã dẫn. Có thể tham khảo thêm Lương Ninh: *Vương quốc Phù Nam - Lịch sử và Văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005.

(15). Dương Tấn Phát (Cb): *Tìm hiểu Kiên Giang*, Ban NCLS Đảng tỉnh Kiên Giang, 1986, tr. 95.

(16). Về niên đại ghi sự kiện Mạc Cửu được chúa Nguyễn phong chức Tổng binh trấn Hà Tiên các bộ sử ghi có khác nhau. *Đại Nam thực lục* ghi năm 1708. Ngay *Đại Nam nhất thống chí*, (Nxb. Thuận Hoá, 1997) cũng thiếu thống nhất. Cụ thể, ở trang 6 ghi năm Giáp Ngọ 1714 nhưng đến trang 31 lại ghi năm 1708. Theo chúng tôi năm 1708 là xác thực.

(17). Phan Khoang: *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, 2001, tr. 326. Theo nhà nghiên cứu Trần

Kinh Hoà "Họ Mạc và chúa Nguyễn ở Hà Tiên", thì Mạc Cửu đến định cư vào khoảng năm 1680.

(18). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 167.

(19). Năm 1679, Tổng binh Long Môn (Quảng Đông) là Dương Ngạn Dịch cùng với phó tướng Hoàng Tiến và Tổng binh các châu Cao, Lôi, Liêm là Trần Thượng Xuyên, phó tướng Trần An Bình, sau khi chống Thanh thất bại đã đem hơn 3.000 người cùng 50 chiến thuyền đến nương nhờ chúa Nguyễn Phúc Tần. Chúa Nguyễn đã cho khai phá vùng Đồng Nai, Mỹ Tho. Xem Nguyễn Quang Ngọc (Cb.): *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục, 2001, tr. 145.

(20). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd, tr. 198-199.

(21). Ông có hiệu là Đạm Am, người làng An Hoà, (Hương Trà) nay thuộc Thừa Thiên - Huế.

(22). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr.243. Về Mạc Thiên Tứ, những dòng viết của Lê Quý Đôn có nhiều điểm rất đáng chú ý: "Ở phía tây-nam Quảng Nam, ngoài phủ Gia Định có trấn Hà Tiên, nước Xiêm La giáp cõi với. Có Tổng Đốc Hầu Mạc Thiên Tứ, tự là Sĩ Lân, cha là người Bắc quốc đến đây khai khẩn đất đai, có bộ chúng, làm tôi Thuận Hoá, Tộ Quốc công Nguyễn Phúc Chu trao cho chức Tổng binh. Đời Vĩnh hựu năm Bình thìn, Thiên Tứ kế tập, đón mời văn sĩ, ưa thích thi chương, tài vận phong lưu, một phương mền trọng", tr. 272.

(23). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 232.

(24). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd, tr. 201-202.

(25). Về sự kiện này *Đại Nam thực lục tiền biên*, ghi rõ: "Nặc Nguyên nước Chân Lạp chết. Người chú họ là Nặc Thuận tạm coi việc nước. Biên thần tâu xin nhân đó lập Thuận để tỏ ân nghĩa, cho vững biên cương. Chúa bắt phải hiến hai phủ Trà Vinh, Ba Thắc rồi sau đó mới y cho. Khi ấy xảy ra việc con rể Nặc Thuận là Nặc Hình giết Nặc Thuận để cướp ngôi, con Nặc Thuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Thống suất Trương Phúc Du thừa thế tiến đánh. Nặc Hình chạy đến

Tầm Phong Xuy, bị quan phiên là Ốc Nha Ưông giết chết. Bấy giờ Mạc Thiên Tứ cũng tâu giúp cho Nặc Tôn. Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn làm vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ nắm dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long... Bấy giờ Nặc Tôn lại cất năm phủ Hương Úc, Cần Vọt, Châm Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình. Chúa cho lệ năm phủ ấy vào quản hạt Hà Tiên. Thiên Tứ lại xin đặt Giá Khê làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu dân cư, lập thôn ấp; làm cho địa giới Hà Tiên ngày càng thêm rộng". Xem *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, tr. 226.

(26). *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: "Mùa Xuân, tháng hai, thuyền buôn ba nước Trảo Oa, Lộ Lạc, Xiêm La vào Hải Đông, xin cư trú, buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương". Trang Vân Đồn do vua Lý Anh Tông (1138-1175) khai mở năm 1149. Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 317.

(27). Nguyễn Văn Kim: *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003, tr. 181-208.

(28). Dẫn theo Thành Thế Vỹ: *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 227.

(29). J.Kathirithamby-Wells: *The Mid-Eighteenth to the Early Nineteenth Centuries; in "The Cambridge History of Southeast Asia"*, Vol.I, Nicholas Tarling (Ed.), The Cambridge University Press, 1992, p. 575-579.

(30), (31), (32). Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Sđd, tr. 262, tr. 267 & tr. 270-271.

(33). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sđd, tr. 238.

(34). Sự trung thành của họ Mạc vẫn tiếp tục được duy trì ngay cả khi chính quyền chúa Nguyễn, trước sức tấn công của quân Tây Sơn, đã liên tiếp bị thất bại. Năm 1775, nhân việc chúa Nguyễn Phúc Thuần đến Bến Nghé (Gia Định), Mạc Thiên Tứ vẫn cùng các con tới hành tâu tại bái yết được chúa khen và uỷ lạo, gia thăng làm Đô đốc quận công, cho con là Hoàng làm chương cơ, Thăng làm cai cơ thướng thủy, Duyên làm tham tướng cai cơ, điều về đạo Trấn Giang đóng giữ.

(35). Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm...: *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc; "Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút"*; Nxb Quân đội Nhân dân, 1976, tr. 311-350.

(36). *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 202, tr. 227-228.

(37), (38), (39). *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, tr. 10 & tr. 24.

(40). Ngay từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX, một chiến lược bảo vệ an ninh vùng biển này với những căn cứ như Prachuap Kibi, Sattahip (Thái Lan); Ream (Campuchia); An Thới, Hòn Khoai (Việt Nam) và khu vực thuộc quần đảo Hải Tặc nằm giữa Hà Tiên - Phú Quốc, tiếp giáp với Campuchia, đã được các quốc gia trong khu vực hết sức chú trọng. Hiện nay, nạn cướp biển, tình trạng xâm phạm an ninh trên biển vẫn là một trong những vấn đề nan giải trong quan hệ giữa các quốc gia vùng vịnh.